

Số: 01354 /QĐ-VP

Tây Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách Quý I năm 2025
của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách Quý I năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý I năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, với số tiền là: **3.888.123.204 đồng** (Ba tỷ tám trăm tám mươi tám triệu một trăm hai mươi ba ngàn hai trăm lẻ bốn đồng) (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ, Trưởng các phòng, ban, Trung tâm thuộc Văn phòng và Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN Tỉnh (p/h);
- LĐVP, QTTV;
- Các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu VT.

0

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phan Thị Tuyết Nhung

Đơn vị: **VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH**
Chương: 405

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 01354/QĐ-VP ngày 10 / 11 /2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.674.400.000
1	Chi quản lý hành chính	26.297.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.398.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.520.000.000
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	3.687.000.000
1.4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (tiền thưởng theo ND 73/2024)	692.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	2.311.000.000
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.198.000.000
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.679.000.000
2	Kinh phí cải cách tiền lương	519.000.000
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	KP thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024	113.000.000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	

U. H. Q
N. PH
ỦY B
H. AN
T. AN

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	
12	Chi khác ngân sách	66.400.000
12.1	KP trợ cấp tiền tết 2025	66.400.000

Đơn vị: **VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH**
Chương: 405

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Văn phòng UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2025	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý /202 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn thu phí, lệ phí				
1	Tổng số thu phí, lệ phí phát sinh				
	- Phí Đăng ký kinh doanh				
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại				
	- Phí Đăng ký kinh doanh				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
	- Phí Đăng ký kinh doanh				
II	Nguồn ngân sách trong nước	28.674.400.000	3.888.123.204	13,6%	
1	Chi quản lý hành chính	26.297.000.000	3.572.797.977	14%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	16.085.000.000	3.393.171.277	21%	
	+ Kinh phí khoán, Cải cách tiền lương	16.085.000.000	3.393.171.277	21%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.520.000.000	179.626.700	2%	
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (KP thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024)	692.000.000		0%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2025	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý /202 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi bảo đảm xã hội	0	0		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0		
	Chi đối ứng chương trình MTQG		0		
5	Chi hoạt động kinh tế	2.311.000.000	253.725.227	11,0%	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.198.000.000	253.725.227	11,5%	
	Kinh phí Trung tâm Công báo Tin học- KP thực hiện chế độ tự chủ, CCTL	2.198.000.000	253.725.227	11,5%	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	113.000.000	0	0,0%	
	KP thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024	113.000.000	0		
6	Khác ngân sách	66.400.000	61.600.000	93%	
	KP trợ cấp tiền tết 2025	66.400.000	61.600.000	93%	
7	Chi Chương trình mục tiêu	0	0		
	Chi Chương trình mục tiêu		0		

Ngày tháng năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Phan Thị Tuyết Nhung